

Trình độ: **TIẾNG ANH B1**
Ngày thi: **13/09/2026**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm 10)	Ghi chú
				ĐỌC	NGHE	VIẾT	NÓI			
1	K23DTQT119	Nguyễn Thái An	D23TXQT06-K	100	55	70	70	295	7.4	
2	B23DTQT001	Nguyễn Châm Anh	D23TXQT03-B	75	75	60	50	260	6.5	
3	K23DTCN078	Vũ Quốc Anh	D23TXCN02-K	75	60	65	85	285	7.1	
4	K24DTVT017	Nguyễn Đình Anh	D24TXVT02-K	90	55	50	60	255	6.4	
5	K23DTQT063	Chu Thị Lan Anh	D23TXQT05-K	95	75	60	65	295	7.4	
6	K24DTQT005	Nguyễn Dương Hà Anh	D24TXQT01-K	80	85	65	90	320	8.0	
7	K23DTCN440	Trương Thị Lan Anh	D23TXCN05-K	40	30	40	60	170	4.3	
8	K23DTQT017	Phạm Tuấn Anh	D23TXQT02-K	80	55	55	80	270	6.8	
9	B22DTCN086	Nguyễn Hoàng Anh	D22TXCN03-B	85	65	60	70	280	7.0	
10	B22DTCN087	Nguyễn Nhật Anh	D22TXCN03-B	70	75	65	60	270	6.8	
11	K23DTCN553	Dương Tuấn Anh	D23TXCN11-K	95	65	55	70	285	7.1	
12	B22DTVT003	Nguyễn Đạt Anh	D22TXVT01-B	80	50	65	65	260	6.5	
13	B22DTVT001	Đào Tuấn Anh	D22TXVT01-B	95	50	40	55	240	6.0	
14	B22DTVT002	Lê Thị Anh	D22TXVT01-B	95	50	30	50	225	5.6	
15	K23DTQT120	Nguyễn Kim Anh	D23TXQT07-K	60	35	55	75	225	5.6	
16	B23DTCN214	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	D23TXCN06-B	80	70	65	90	305	7.6	
17	B22DTCN044	Nguyễn Vũ Ngọc Ánh	D22TXCN02-B	70	50	60	70	250	6.3	
18	K23DTQT134	Nghiêm Nguyệt Ánh	D23TXQT08-K	55	55	40	75	225	5.6	
19	K23DTVT089	Đào Duy Bách	D23TXVT04-K	75	65	60	65	265	6.6	
20	K24DTVT013	Lương Hồng Bắc	D24TXVT02-K	90	65	55	55	265	6.6	
21	K24DTQT006	Tô Trọng Bích	D24TXQT01-K	95	30	55	55	235	5.9	
22	K23DTCN528	Hoàng Văn Bình	D23TXCN09-K	95	50	60	70	275	6.9	
23	K24DTVT043	Nguyễn Thanh Bình	D24TXVT06-K	90	55	55	60	260	6.5	
24	B22DTVT004	Nguyễn Công Bình	D22TXVT01-B	95	40	55	80	270	6.8	
25	K23DTCN087	Nguyễn Viết Công	D23TXCN02-K	90	60	55	55	260	6.5	
26	B23DTCN017	Trần Minh Công	D23TXCN02-B	100	95	60	55	310	7.8	
27	B22DTCN001	Bùi Văn Cơ	D22TXCN01-B	95	50	60	55	260	6.5	
28	B23DTCN001	Vũ Mạnh Cường	D23TXCN01-B	90	85	70	70	315	7.9	
29	K24DTVT044	Nguyễn Duy Cường	D24TXVT06-K	95	45	40	80	260	6.5	
30	B22DTCN132	Dương Minh Châu	D22TXCN04-B	95	75	60	70	300	7.5	
31	K23DTQT121	Phạm Mai Châu	D23TXQT07-K	95	95	60	70	320	8.0	
32	B22DTVT005	Nguyễn Quốc Chiêm	D22TXVT01-B	95	100	70	65	330	8.3	
33	K23DTCN529	Nguyễn Thị Chiên	D23TXCN09-K	75	75	65	95	310	7.8	
34	K23DTQT066	Phạm Ngọc Chiến	D23TXQT05-K	95	95	70	60	320	8.0	
35	B21DTQT001	Phùng Minh Chiến	D21TXQT01-B	95	90	45	50	280	7.0	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm 10)	Ghi chú
				ĐỌC	NGHE	VIẾT	NÓI			
36	K23DTCN084	Vũ Quốc Chính	D23TXCN02-K	75	90	30	60	255	6.4	
37	K23DTCN086	Hồ Thân Chính	D23TXCN02-K	90	100	80	90	360	9.0	
38	K23DTCN334	Tổng Đức Chung	D23TXCN07-K	95	60	45	65	265	6.6	
39	K23DTVT003	Nguyễn Viết Chung	D23TXCN01-K	95	95	40	55	285	7.1	
40	B22DTCN133	Đậu Văn Chương	D22TXCN04-B	95	85	65	55	300	7.5	
41	B23DTCN089	Vũ Ngọc Diễm	D23TXCN04-B	92	45	70	60	267	6.7	
42	B23DTCN117	Đoàn Ngọc Dinh	D23TXCN04-B	70	65	65	85	285	7.1	
43	K23DTCN101	Trần Văn Dũng	D23TXCN02-K	90	90	55	60	295	7.4	
44	B23DTCN020	Phan Việt Dũng	D23TXCN02-B	88	90	60	95	333	8.3	
45	B22DTCN047	Nguyễn Đức Dũng	D22TXCN02-B	96	70	65	45	276	6.9	
46	K23DTQT110	Nguyễn Tường Dũng	D23TXQT06-K	70	90	70	90	320	8.0	
47	K23DTVT024	Nguyễn Hữu Dũng	D23TXVT02-K	92	95	60	35	282	7.1	
48	B22DTVT007	Hà Danh Dũng	D22TXVT01-B	92	55	30	70	247	6.2	
49	B22DTVT008	Nguyễn Hùng Dũng	D22TXVT01-B	96	45	55	50	246	6.2	
50	B22DTCN010	Nguyễn Xuân Duy	D22TXVT01-B	96	75	60	40	271	6.8	
51	K23DTCN339	Hoàng Thị Duyên	D23TXCN05-K	76	95	85	55	311	7.8	
52	B22DTCN097	Nguyễn Thị Duyên	D22TXCN03-B	96	85	80	85	346	8.7	
53	K23DTQT123	Mông Hoàng Duyệt	D23TXQT07-K	96	60	55	50	261	6.5	
54	B23DTQT028	Lê Thị Thùy Dương	D23TXQT03-B	92	80	75	95	342	8.6	
55	K23DTCN107	Phạm Quang Dương	D23TXCN02-K	92	100	60	85	337	8.4	
56	K24DTQT019	Nguyễn Thùy Dương	D24TXQT02-K	84	90	70	95	339	8.5	
57	B23DTCN116	Nguyễn Công Đăng	D23TXCN04-B	96	100	85	50	331	8.3	
58	K24DTVT045	Nguyễn Gia Đạo	D24TXVT06-K	86	80	55	40	261	6.5	
59	B22DTCN049	Trịnh Vũ Tiến Đạt	D22TXCN02-B	90	100	70	65	325	8.1	
60	B23DTCN184	Nguyễn Thế Đạt	D23TXCN04-B	96	95	40	55	286	7.2	
61	K22DTCN004	Nguyễn Tuấn Đạt	D22TXCN01-K	96	100	65	75	336	8.4	
62	K22DTCN006	Vũ Quang Đạt	D22TXCN01-K	96	100	75	80	351	8.8	
63	B22DTCN050	Nguyễn Hải Đăng	D22TXCN02-K	82	100	70	70	322	8.1	
64	K23DTQT124	Nguyễn Hải Đăng	D23TXQT07-K	92	95	65	40	292	7.3	
65	B23DTCN019	Đỗ Thanh Đô	D23TXCN02-B	96	95	65	50	306	7.7	
66	K23DTCN011	Nguyễn Thành Đô	D23TXCN01-K	100	100	75	50	325	8.1	
67	K23DTCN099	Trần Minh Đức	D23TXCN02-K	58	80	90	90	318	8.0	
68	K23DTQT067	Đoàn Minh Đức	D23TXQT05-K	84	100	65	60	309	7.7	
69	K23DTCN344	Bùi Trung Đức	D23TXCN07-K	40	60	60	70	230	5.8	
70	K23DTCN445	Trần Trung Đức	D23TXCN05-K	68	75	75	90	308	7.7	
71	B22DTCN054	Trần Việt Đức	D22TXCN02-B	96	45	70	65	276	6.9	
72	B22DTCN094	Bùi Huy Đức	D22TXCN03-B	80	75	65	85	305	7.6	
73	B22DTVT006	Phạm Văn Đức	D22TXVT01-B	86	70	60	75	291	7.3	
74	K23DTCN111	Nguyễn Hương Giang	D23TXCN02-K	74	85	70	85	314	7.9	
75	B23DTQT008	Phạm Trường Giang	D23TXQT02-B	96	45	65	55	261	6.5	
76	B23DTCN021	Nguyễn Thị Ngọc Hà	D23TXCN02-B	96	90	75	70	331	8.3	
77	B22DTVT028	Phạm Hoàng Hải	D22TXVT02-K	78	85	65	45	273	6.8	

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm 10)	Ghi chú
					ĐỌC	NGHE	VIẾT	NÓI			
78	K23DTQT137	Đỗ Công	Hán	D23TXQT08-K	96	75	80	50	301	7.5	
79	B22DTCN099	Nguyễn Đức	Hanh	D22TXCN03-B	92	75	85	40	292	7.3	
80	K23DTCN350	Phạm Quang	Hạnh	D23TXCN05-K	76	70	85	65	296	7.4	
81	K23DTCN349	Đoàn Thị	Hạnh	D23TXCN05-K	100	35	65	50	250	6.3	
82	K23DTQT028	Nguyễn Thị	Hào	D23TXQT02-K	40	60	1	60	161	4.0	Không đạt
83	K23DTQT027	Nguyễn Thúc	Hằng	D23TXQT02-K	60	75	65	65	265	6.6	
84	B22DTCN013	Lưu Viết	Hiển	D23TXCN01-B	100	50	75	60	285	7.1	
85	K23DTCN489	Ngô Viết	Anh	D23TXCN07-K	55	75	70	75	275	6.9	
86	K23DTCN383	Phạm Quang	Nghĩa	D23TXCN07-K	95	75	75	75	320	8.0	
87	K23DTCN411	Nguyễn Tiến	Thịnh	D23TXCN07-K	95	75	75	80	325	8.1	
88	K23DTCN416	Trần Đăng	Trạng	D23TXCN07-K	90	70	80	85	325	8.1	
89	K23DTCN536	Nguyễn Trung	Hiếu	D23TXCN09-K	100	85	75	80	340	8.5	
90	K23DTCN535	Lê Minh	Hiếu	D23TXCN09-K	95	60	80	75	310	7.8	
91	K23DTCN451	Phan Minh	Hiếu	D23TXCN05-K	85	85	65	90	325	8.1	
92	B22DTCN139	Trần Minh	Hiếu	D22TXCN04-B	100	45	75	65	285	7.1	
93	K22DTCN010	Đoàn Văn	Hiệu	D22TXCN01-K	85	80	65	70	300	7.5	
94	K23DTCN452	Nguyễn Thị	Hoan	D23TXCN05-K	95	90	70	85	340	8.5	
95	B22DTCN060	Lưu Xuân	Hoàn	D22TXCN02-B	95	50	70	80	295	7.4	
96	K23DTCN025	Nguyễn Quốc	Hoàn	D23TXCN01-K	100	60	65	75	300	7.5	
97	K23DTCN121	Hoàng Xuân	Hoàn	D23TXCN01-K	100	60	70	75	305	7.6	
98	K23DTCN453	Trịnh Đình	Hoàng	D23TXCN05-K	95	50	65	90	300	7.5	
99	B22DTCN141	Nguyễn Trần	Hoàng	D22TXCN04-B	100	75	75	95	345	8.6	
100	B23DTCN005	Nguyễn Ngọc	Hoàng	D23TXCN01-B	100	70	80	70	320	8.0	
101	B23DTCN091	Trịnh Huy	Hoàng	D23TXCN04-B	80	70	80	100	330	8.3	
102	B20DTVT018	Thắm Nông	Hồng	D20TXVT02-B	84	70	70	60	284	7.1	
103	K23DTCN356	Cao Đức	Huân	D23TXCN07-K	100	60	70	70	300	7.5	
104	K23DTCN499	Nguyễn Văn	Huân	D23TXCN07-K	75	55	75	95	300	7.5	
105	K23DTCN127	Vũ Thị	Huế	D23TXCN02-K	100	80	75	90	345	8.6	
106	B23DTQT033	Vũ Thị	Huệ	D23TXQT04-B	45	40	65	60	210	5.3	
107	B23DTQT017	Hoàng Đình	Hùng	D23TXQT03-B	85	60	80	75	300	7.5	
108	K23DTCN501	Nguyễn Phú	Hùng	D23TXCN07-K	76	70	70	80	296	7.4	
109	B17DCCN277	Bùi Việt	Hùng	D22TXCN01-B	90	90	75	75	330	8.3	
110	K23DTQT030	Phan Mạnh	Hùng	D23TXQT02-K	76	50	60	65	251	6.3	
111	K23DTCN258	Nguyễn Nam	Hùng	D23TXCN03-K	100	80	75	65	320	8.0	
112	K23DTCN027	Vũ Văn	Hùng	D23TXCN01-K	75	60	80	85	300	7.5	
113	K23DTVT007	Trần Hoàng	Huy	D23TXVT01-K	100	80	70	80	330	8.3	
114	K23DTCN141	Nguyễn Đức	Huy	D23TXCN02-K	80	80	85	95	340	8.5	
115	K23DTCN361	Nguyễn Văn	Huy	D23TXCN05-K	100	70	65	70	305	7.6	
116	B23DTCN007	Trần Anh	Huy	D23TXCN01-B	95	50	80	60	285	7.1	
117	B18DCVT193	Đặng Quang	Huy	D22TXVT01-B	V	V	V	V	0	0.0	
118	B22DTCN020	Hoàng Hữu	Huyền	D22TXCN01-B	100	95	75	70	340	8.5	
119	K23DTQT033	Nguyễn Minh	Huyền	D23TXQT02-K	100	75	75	85	335	8.4	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm 10)	Ghi chú
				ĐỌC	NGHE	VIẾT	NÓI			
120	B23DTCN026	Phạm Văn Hưng	D23TXCN02-B	100	100	80	70	350	8.8	
121	B22DTCN142	Đỗ Tuấn Hưng	D22TXCN04-B	100	70	75	40	285	7.1	
122	K23DTCN133	Trịnh Thái Hưng	D23TXCN01-K	90	70	80	75	315	7.9	
123	B21DTCN010	Trần Quang Hưng	D21TXCN01-B	95	85	70	65	315	7.9	
124	K23DTCN539	Nguyễn Thị Thu Hương	D23TXCN09-K	95	90	75	80	340	8.5	
125	K23DTQT099	Tạ Thị Thu Hương	D23TXQT05-K	100	50	75	55	280	7.0	
126	K23DTCN365	Lê Thị Hương	D23TXQT05-K	95	95	80	65	335	8.4	
127	K23DTQT031	Lê Thị Bích Hương	D23TXQT02-K	100	50	70	70	290	7.3	
128	B23DTCN123	Hoàng Đình Hường	D23TXCN04-B	100	100	75	60	335	8.4	
129	B22DTQT094	Nguyễn Văn Khánh	D22TXQT04-B	100	60	75	50	285	7.1	
130	K23DTVT090	Trần Huy Khánh	D23TXVT04-K	95	100	75	90	360	9.0	
131	K23DTCN370	Nguyễn Minh Khôi	D23TXCN07-K	V	V	V	V	0	0.0	
132	K23DTVT076	Bạch Tiến Khôi	D23TXVT04-K	100	100	80	55	335	8.4	
133	K23DTQT071	Lê Thị Ngọc Lan	D23TXQT05-K	85	65	80	90	320	8.0	
134	B22DTQT065	Đào Vi Hoàng Lâm	D22TXQT02-B	84	95	80	85	344	8.6	
135	B22DTVT022	Mai Thùy Linh	D22TXVT02-B	80	70	75	75	300	7.5	
136	B22DTCN022	Nguyễn Văn Linh	D22TXCN01-B	100	40	70	70	280	7.0	
137	B21DCAT117	Đặng Thị Ngọc Linh	D22TXCN01-B	95	100	80	90	365	9.1	
138	B23DTQT010	Thái Khắc Linh	D23TXQT02-B	95	50	80	50	275	6.9	
139	K23DTCN032	Trần Thế Linh	D23TXCN01-K	100	100	80	65	345	8.6	
140	B22DTVT010	Nguyễn Thanh Linh	D22TXVT01-B	95	85	75	55	310	7.8	
141	K23DTQT127	Bùi Thị Linh	D23TXQT07-K	85	85	75	45	290	7.3	
142	K24DTQT009	Đặng Thị Loan	D24TXQT01-K	100	70	70	55	295	7.4	
143	B23DTCN031	Trương Thành Long	D23TXCN02-B	95	80	65	90	330	8.3	
144	K23DTQT073	Nguyễn Ngọc Long	D23TXQT05-K	100	55	70	70	295	7.4	
145	B22DTCN023	Phạm Vũ Long	D22TXCN01-B	85	70	80	80	315	7.9	
146	K23DTQT036	Nguyễn Đăng Long	D23TXQT02-K	90	100	80	60	330	8.3	
147	B21DTCN112	Nguyễn Văn Luân	D21TXCN04-B	100	70	75	60	305	7.6	
148	K24DTCN374	Lê Thị Luyện	D24TXCN08-K	100	85	75	60	320	8.0	
149	K23DTVT039	Lê Thanh Lương	D23TXVT02-K	95	60	70	80	305	7.6	
150	B23DTCN033	Nguyễn Đại Lượng	D23TXCN02-B	100	60	70	90	320	8.0	
151	B23DTQT003	Phùng Thị Lựu	D23TXQT01-B	100	75	75	70	320	8.0	
152	K23DTCN377	Nguyễn Thị Khánh Ly	D23TXCN07-K	100	80	70	80	330	8.3	
153	K23DTQT140	Đình Khánh Ly	D23TXQT08-K	85	70	75	90	320	8.0	
154	K23DTQT116	Trần Thị Mai	D23TXQT06-K	100	85	70	85	340	8.5	
155	B23DTQT019	Nguyễn Thị Mai	D23TXCN04-B	100	70	75	75	320	8.0	
156	K24DTVT014	Nguyễn Văn Mạnh	D24TXVT02-K	90	50	70	75	285	7.1	
157	B22DTCN146	Nguyễn Thế Mạnh	D22TXCN04-B	95	100	70	75	340	8.5	
158	K23DTCN159	Nguyễn Đỗ Mạnh	D23TXCN01-K	100	95	70	75	340	8.5	
159	K23DTCN292	Lê Doãn Minh	D23TXCN06-K	V	V	V	V	0	0.0	
160	K23DTCN260	Phan Trọng Minh	D23TXCN03-K	80	75	60	75	290	7.3	
161	B23DTCN008	Phạm Vũ Ngọc Minh	D23TXCN01-B	70	80	70	90	310	7.8	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm 10)	Ghi chú
				ĐỌC	NGHE	VIẾT	NÓI			
162	K23DTQT102	Nguyễn Thị Thùy My	D23TXQT05-K	95	80	65	70	310	7.8	
163	B23DTCN037	Lê Duy Nam	D23TXCN02-B	100	80	80	70	330	8.3	
164	B22DTVT011	Trần Thành Nam	D22TXVT01-B	95	65	80	70	310	7.8	
165	K23DTVT078	Kiều Đức Nam	D23TXVT04-K	100	75	70	80	325	8.1	
166	K23DTCN177	Trần Thị Thái Ninh	D23TXCN01-K	75	100	80	70	325	8.1	
167	B22DTVT033	Phùng Văn Nội	D22TXCN02-K	100	90	70	65	325	8.1	
168	B22DTQT021	Hoàng Kim Ngân	D22TXQT01-B	100	95	80	75	350	8.8	
169	K23DTCN172	Dương Trung Nghĩa	D23TXCN01-K	95	85	65	80	325	8.1	
170	K23DTCN544	Nguyễn Văn Ngọc	D23TXCN09-K	100	95	70	85	350	8.8	
171	B23DTVT005	Lâm Bảo Ngọc	D23TXVT02-B	100	90	65	65	320	8.0	
172	B22DTCN073	Đào Tiến Thành	D22TXCN02-B	100	75	70	70	315	7.9	
173	B22DTCN082	Lê Đức Vượng	D22TXCN02-B	75	70	70	70	285	7.1	
174	B22DTCN074	Hà Việt Thắng	D22TXCN02-B	100	80	70	70	320	8.0	
175	B22DTCN066	Nguyễn Văn Minh	D22TXCN02-B	70	40	65	75	250	6.3	
176	K23DTCN042	Trần Ngọc Nhận	D23TXCN01-K	100	95	70	70	335	8.4	
177	K23DTCN176	Phạm Văn Nhật	D23TXCN02-K	100	70	70	80	320	8.0	
178	K23DTCN262	Nguyễn Thị Nhung	D23TXCN03-K	80	85	70	100	335	8.4	
179	K23DTQT040	Bùi Quỳnh Như	D23TXQT02-K	85	75	60	80	300	7.5	
180	K23DTCN461	Nguyễn Thị Oanh	D23TXCN05-K	80	85	70	60	295	7.4	
181	K23DTQT129	Vũ Thị Oanh	D23TXQT07-K	90	70	70	60	290	7.3	
182	K23DTCN180	Mai Việt Phong	D23TXCN02-K	50	65	70	95	280	7.0	
183	B22DTCN147	Lê Đức Phú	D22TXCN02-K	100	100	80	70	350	8.8	
184	B23DTCN044	Lưu Đình Phúc	D23TXCN02-B	80	80	75	85	320	8.0	
185	K23DTCN388	Nguyễn Hữu Phúc	D23TXCN05-K	95	100	60	80	335	8.4	
186	K24DTQT002	Vũ Văn Phương	D24TXQT01-K	100	95	70	70	335	8.4	
187	B22DTCN149	Lý Thị Phương	D22TXCN04-B	100	95	75	75	345	8.6	
188	K23DTCN183	Phạm Minh Phương	D23TXCN01-K	100	100	65	70	335	8.4	
189	K23DTCN508	Mạc Văn Quang	D23TXCN07-K	100	95	80	65	340	8.5	
190	K23DTCN462	Nguyễn Huy Quang	D23TXCN05-K	100	75	80	70	325	8.1	
191	B22DTCN109	Đoàn Mạnh Quang	D22TXCN03-B	95	100	80	80	355	8.9	
192	B22DTVT014	Nguyễn Đăng Quang	D22TXVT01-B	85	60	50	60	255	6.4	
193	K23DTVT080	Trịnh Văn Quang	D23TXVT04-K	100	90	70	75	335	8.4	
194	B23DTQT023	Ngô Hoàng Quân	D23TXQT03-B	90	85	75	90	340	8.5	
195	B23DTCN047	Kiều Duy Quân	D23TXCN02-B	70	80	70	80	300	7.5	
196	K23DTQT044	Nguyễn Ngọc Quận	D23TXQT02-K	85	85	70	70	310	7.8	
197	K23DTVT091	Lò Văn Quý	D23TXVT04-K	100	80	80	80	340	8.5	
198	K23DTVT092	Hà Long Quyền	D23TXVT04-K	85	75	70	55	285	7.1	
199	B16DCCN293	Nguyễn Gia Quyên	D22TXCN01-B	100	70	65	85	320	8.0	
200	B23DTCN104	Nguyễn Văn Quyết	D23TXCN04-B	90	40	75	80	285	7.1	
201	K23DTCN582	Bùi Như Quỳnh	D23TXCN11-K	100	90	75	70	335	8.4	
202	B22DTCN151	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	D22TXCN02-K	95	70	65	50	280	7.0	
203	K22DTCN023	Lê Công Sánh	D22TXCN01-K	100	95	70	70	335	8.4	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm 10)	Ghi chú
				ĐỌC	NGHE	VIẾT	NÓI			
204	K23DTV013	Phan Đức Sơn	D23TXVT01-K	100	80	65	55	300	7.5	
205	B23DTQT036	Lê Hoàng Sơn	D23TXQT04-B	100	85	75	60	320	8.0	
206	B22DTCN069	Đỗ Thái Sơn	D22TXCN02-K	95	80	65	90	330	8.3	
207	K23DTV086	Lưu Ngọc Sơn	D23TXVT03-K	100	95	70	70	335	8.4	
208	K23DTV081	Bùi Thanh Sơn	D23TXVT04-K	100	90	70	60	320	8.0	
209	B22DTCN029	Nguyễn Quý Tài	D22TXCN01-B	90	40	65	50	245	6.1	
210	K23DTQT045	Phạm Văn Tài	D23TXQT02-K	100	40	70	50	260	6.5	
211	K23DTCN197	Đào Minh Tâm	D23TXCN02-K	100	40	70	50	260	6.5	
212	K23DTQT131	Nguyễn Thị Tâm	D23TXQT07-K	100	95	70	50	315	7.9	
213	B22DTV024	Nguyễn Hoàng Tân	D22TXVT02-B	100	80	70	50	300	7.5	
214	B22DTV025	Nguyễn Ngọc Tân	D22TXVT02-K	100	95	75	70	340	8.5	
215	K22DTCN024	Nguyễn An Tân	D22TXCN01-K	100	80	75	50	305	7.6	
216	K23DTCN213	Phạm Minh Tiến	D23TXCN02-K	95	95	70	90	350	8.8	
217	K23DTCN212	Ngô Quang Tiến	D23TXCN02-K	95	85	70	60	310	7.8	
218	K23DTCN215	Nguyễn Minh Tiến	D23TXCN02-K	100	40	70	65	275	6.9	
219	K23DTCN218	Nguyễn Tiến	D23TXCN02-K	80	75	70	85	310	7.8	
220	B23DTCN013	Nguyễn Văn Tiến	D23TXCN01-B	100	95	70	85	350	8.8	
221	K23DTQT048	Đào Văn Tiệp	D23TXQT02-K	75	50	60	50	235	5.9	
222	K23DTQT143	Trần Văn Toàn	D23TXQT08-K	90	40	70	50	250	6.3	
223	K22DTCN027	Hoàng Huy Toàn	D22TXCN01-K	V	V	V	V	0	0.0	
224	B22DTCN071	Nguyễn Văn Toán	D22TXCN02-B	100	80	70	70	320	8.0	
225	K23DTCN060	Nguyễn Văn Tới	D23TXCN01-K	95	40	70	70	275	6.9	
226	K23DTCN549	Nguyễn Thị Cẩm Tú	D23TXCN09-K	100	95	70	85	350	8.8	
227	K24DTQT013	Nguyễn Đăng Tú	D24TXQT01-K	85	85	65	60	295	7.4	
228	B22DTCN125	Đinh Tuấn Tú	D22TXCN03-B	100	75	60	65	300	7.5	
229	B22DTCN039	Tạ Văn Tuấn	D22TXCN01-B	100	60	70	85	315	7.9	
230	K23DTCN239	Nguyễn Đức Tuấn	D23TXCN02-K	75	75	65	70	285	7.1	
231	K23DTQT075	Chu Văn Tuấn	D23TXQT05-K	100	60	70	80	310	7.8	
232	B22DTCN158	Nguyễn Văn Tuấn	D22TXCN04-B	60	50	65	50	225	5.6	
233	B23DTCN138	Lê Đình Tuấn	D23TXCN04-B	95	90	60	50	295	7.4	
234	B22DTV019	Hoàng Trọng Tuấn	D22TXVT01-B	V	V	V	V	0	0.0	
235	B24DTQT004	Lưu Anh Tuấn	D24TXQT01-B	100	95	70	50	315	7.9	
236	K22DTCN036	Nguyễn Trọng Tuấn	D22TXCN01-K	100	90	65	75	330	8.3	
237	K23DTQT077	Trần Thanh Tùng	D23TXQT05-K	66	45	60	40	211	5.3	
238	K23DTCN404	Đào Ngọc Tùng	D23TXCN05-K	100	100	85	90	375	9.4	
239	K23DTCN467	Nguyễn Nho Tùng	D23TXVT04-K	52	65	35	50	202	5.1	
240	K22DTCN038	Lê Nguyễn Thanh Tùng	D22TXCN01-K	100	80	65	40	285	7.1	
241	K23DTV100	Nguyễn Văn Tuyền	D23TXVT06-K	V	V	V	V	0	0.0	
242	K23DTCN243	Hà Dương Kim Tuyền	D23TXCN02-K	72	55	85	80	292	7.3	
243	K23DTCN468	Nguyễn Thị Tuyết	D23TXCN05-K	60	55	70	60	245	6.1	
244	K23DTQT106	Trần Thị Phương Thanh	D23TXQT05-K	100	65	60	40	265	6.6	
245	K23DTQT005	Đặng Văn Thanh	D23TXQT01-K	100	50	50	50	250	6.3	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm 10)	Ghi chú
				ĐỌC	NGHE	VIẾT	NÓI			
246	K23DTCN463	Nguyễn Phúc Thanh	D23TXCN05-K	92	50	70	65	277	6.9	
247	B22DTVT016	Nguyễn Ngọc Thanh	D22TXVT01-B	30	45	40	45	160	4.0	
248	K23DTQT047	Bùi Duy Thành	D23TXQT02-K	30	35	70	65	200	5.0	
249	K23DTVT093	Lò Văn Thành	D23TXVT04-K	52	15	20	40	127	3.2	Không đạt
250	K23DTCN206	Hoàng Xuân Thảo	D23TXCN02-K	56	55	70	65	246	6.2	
251	K23DTCN207	Nguyễn Thị Thanh Thảo	D23TXCN02-K	100	80	85	80	345	8.6	
252	K23DTCN050	Nguyễn Thị Hồng Thắm	D23TXCN01-K	66	95	70	70	301	7.5	
253	K24DTVT054	Hoàng La Thắng	D24TXVT06-K	100	50	60	75	285	7.1	
254	K23DTVT087	Lê Văn Thiệu	D23TXVT03-K	72	65	60	85	282	7.1	
255	K24DTVT055	Trần Ngọc Thìn	D24TXVT06-K	80	40	85	50	255	6.4	
256	K23DTCN054	Lê Đức Thịnh	D23TXCN01-K	66	45	80	70	261	6.5	
257	B22DTVT017	Nguyễn Văn Thịnh	D22TXVT01-B	32	60	60	50	202	5.1	
258	B22DTCN035	Lưu Phúc Thọ	D22TXCN01-B	70	85	65	70	290	7.3	
259	K23DTQT141	Nguyễn Khắc Anh Quân	D23TXQT08-K	66	45	85	80	276	6.9	
260	K23DTQT133	Vũ Đặng Ngọc Anh	D23TXQT08-K	100	55	60	40	255	6.4	
261	K23DTQT136	Lâu A Dơ	D23TXQT08-K	66	40	70	40	216	5.4	
262	K23DTQT139	Phạm Văn Hiển	D23TXQT08-K	100	50	60	70	280	7.0	
263	B23DTCN010	Bùi Thọ Thọ	D23TXCN01-B	56	75	70	80	281	7.0	
264	K23DTCN412	Nguyễn Thị Thoan	D23TXQT05-K	48	45	70	40	203	5.1	
265	K23DTCN413	Nguyễn Viết Thông	D23TXCN05-K	74	75	55	40	244	6.1	
266	B22DTCN119	Phạm Hanh Thông	D22TXCN03-B	74	75	65	65	279	7.0	
267	K23DTCN584	Nguyễn Văn Thống	D23TXCN11-K	100	50	60	40	250	6.3	
268	K23DTVT055	Nông Thị Thơm	D23TXVT02-K	96	50	75	60	281	7.0	
269	B22DTVT027	Nguyễn Thị Thu	D22TXVT02-B	52	35	55	40	182	4.6	
270	B22DTCN153	Nguyễn Thị Thu	D22TXCN04-B	100	50	70	65	285	7.1	
271	K23DTCN055	Phù Văn Thuận	D23TXCN01-K	100	35	70	50	255	6.4	
272	B23DTCN220	Trần Thu Thủy	D23TXCN06-B	88	95	90	85	358	9.0	
273	K23DTQT009	Bùi Thị Minh Thúy	D23TXQT01-K	100	50	85	45	280	7.0	
274	K23DTCN587	Vương Thị Thúy	D23TXCN11-K	100	60	80	60	300	7.5	
275	K23DTVT057	Giáp Thị Thuyết	D23TXVT02-K	64	75	85	70	294	7.4	
276	K23DTQT078	Lê Phụng Thư	D23TXQT05-K	100	50	70	45	265	6.6	
277	K23DTCN056	Vũ Thị Thương	D23TXCN02-K	100	50	60	75	285	7.1	
278	B21DTCN120	Nông Thị Thương	D21TXCN04-B	68	45	60	65	238	6.0	
279	K23DTCN211	Nguyễn Linh Thương	D23TXCN01-K	100	45	60	70	275	6.9	
280	K23DTCN222	Trần Thị Huyền Trang	D23TXCN02-K	66	70	60	90	286	7.2	
281	K23DTQT079	Phạm Thị Quyết Trang	D23TXQT05-K	100	90	60	70	320	8.0	
282	K24DTQT022	Vũ Thị Thùy Trang	D24TXQT02-K	80	100	60	80	320	8.0	
283	K23DTQT080	Nguyễn Văn Triệu	D23TXQT05-K	66	90	60	70	286	7.2	
284	B23DTQT013	Trần Đình Trinh	D23TXQT02-B	90	45	60	80	275	6.9	
285	K23DTCN227	Trần Chí Trung	D23TXCN02-K	100	70	60	70	300	7.5	
286	K23DTCN230	Trần Thành Trung	D23TXCN02-K	90	95	60	80	325	8.1	
287	B22DTQT038	Phạm Thành Trung	D22TXQT01-B	100	95	60	70	325	8.1	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm 10)	Ghi chú
				ĐỌC	NGHE	VIẾT	NÓI			
288	K23DTCN234	Hồ Quang Trường	D23TXCN02-K	94	100	60	90	344	8.6	
289	K23DTCN232	Nguyễn Huy Trường	D23TXCN02-K	100	75	60	70	305	7.6	
290	K23DTCN235	Lê Kim Trường	D23TXCN01-K	94	50	60	85	289	7.2	
291	B22DTCN157	Đỗ Văn Trường	D22TXCN02-K	100	55	60	75	290	7.3	
292	K22DTCN035	Nguyễn Văn Trường	D22TXCN01-K	68	95	60	65	288	7.2	
293	K23DTCN244	Vũ Văn Ước	D23TXCN02-K	100	45	60	80	285	7.1	
294	K23DTCN247	Nguyễn Hữu Văn	D23TXCN02-K	76	85	70	95	326	8.2	
295	B20DTCN032	Nguyễn Thị Văn	D20TXCN01-B	100	45	60	80	285	7.1	
296	K23DTQT050	Nguyễn Thị Bích Vân	D23TXQT02-K	86	55	60	70	271	6.8	
297	B22DTCN080	Dương Thị Thành Viên	D22TXCN02-B	100	80	60	75	315	7.9	
298	K23DTCN470	Phạm Văn Việt	D23TXCN05-K	76	55	65	75	271	6.8	
299	B22DTCN128	Bùi Anh Việt	D22TXCN02-K	92	100	85	90	367	9.2	
300	K23DTCN471	Nguyễn Thị Vinh	D23TXCN05-K	68	60	35	75	238	6.0	
301	K23DTQT132	Trần Văn Vĩnh	D23TXQT07-K	82	75	60	70	287	7.2	
302	B23DTCN061	Vương Thế Vũ	D23TXCN02-B	74	100	85	90	349	8.7	
303	K23DTCN420	Trần Quang Vũ	D23TXCN05-K	100	90	50	70	310	7.8	
304	K23DTQT052	Bùi Văn Vũ	D23TXQT02-K	56	95	65	75	291	7.3	
305	B23DTCN112	Đỗ Minh Vũ	D23TXCN04-B	100	100	90	75	365	9.1	
306	K23DTCN254	Tổng Thế Vượng	D23TXCN02-K	96	95	80	95	366	9.2	
307	B22DTCN129	Diệp Thị Xuân	D22TXCN02-K	100	90	65	75	330	8.3	
308	B23DTV014	Đoàn Thị Yên	D23TXVT03-B	92	50	75	65	282	7.1	
309	B22DTCN130	Bùi Thị Hải Yên	D22TXCN02-K	100	90	65	75	330	8.3	
310	B17DCCN122	Trần Quốc Đạt	D17CNPM1	V	V	V	V	0	0.0	
311	B19DCCN726	Lê Thị Minh Hiền	D19CQC01_B	V	V	V	V	0	0.0	
312	B17DCCN299	Nguyễn Mạnh Hưng	D17CNPM05-B	84	50	60	70	264	6.6	
313	B19DCPT161	Phạm Gia Minh	D19CQPT01-B	96	80	95	90	361	9.0	
314	B17DCPT137	Cung Nhật Minh	D17CQPT01-B	72	80	80	90	322	8.1	
315	B19DCPT214	Trần Sỹ Tuấn	D19PTDPT	84	85	90	95	354	8.9	
316	B19DCVT426	Phạm Quang Trường	D19VTHI1	90	85	65	85	325	8.1	